

Số: 118/23/CBTT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 29 tháng 10 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3 năm 2023**

---  
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205 – số NB 207.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Nguyễn Khắc Hanh.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung của thông tin công bố:
  - a. Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2023 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 29/10/2023 gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, Thuyết minh BCTC.
  - b. Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 3/2023 là 4.047.104.883 đồng, giảm 857.938.133 đồng, tương đương giảm 17,5% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân đến từ những khó khăn chung của nền kinh tế tác động đến mức chi tiêu của người dân cho hoạt động chăm sóc sức khỏe, dẫn đến doanh thu thuần Quý 3/2023 đã giảm 13,87 tỷ đồng (giảm 7%) so với Quý 3/2022. Cùng với việc giảm doanh thu, chi phí lãi vay tăng cao cũng góp phần làm giảm lợi nhuận của công ty.
  - c. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.



**PHẠM THỨ TRIỆU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>634,587,904,884</b>	<b>618,631,903,535</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>5,538,701,961</b>	<b>9,624,120,134</b>
1. Tiền	111		5,538,701,961	9,624,120,134
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>59,050,570,995</b>	<b>11,336,375,222</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		39,493,142,987	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19,557,428,008	11,336,375,222
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>206,021,106,337</b>	<b>187,144,366,654</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>6</b>	151,833,983,970	153,986,890,974
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>7</b>	13,262,425,035	1,815,065,424
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>8</b>	42,497,936,414	32,386,520,995
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<b>6,8</b>	(1,573,239,082)	(1,044,110,739)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>358,214,851,219</b>	<b>401,683,021,651</b>
1. Hàng tồn kho	141		363,246,794,857	411,508,689,873
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5,031,943,638)	(9,825,668,222)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,762,674,372</b>	<b>8,844,019,874</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>10</b>	2,007,392,073	1,207,670,740
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	<b>19</b>	3,755,282,299	7,541,476,107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	94,873,027
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>168,898,708,712</b>	<b>196,195,821,514</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>8</b>	<b>2,768,787,783</b>	<b>2,245,163,769</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>8</b>	2,768,787,783	2,245,163,769
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31,425,778,478</b>	<b>33,008,722,092</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>11</b>	20,808,450,099	23,657,146,140
- Nguyên giá	222		56,866,047,699	59,242,577,398
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36,057,597,600)	(35,585,431,258)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>13</b>	6,722,607,980	5,481,872,825
- Nguyên giá	225		9,377,604,387	6,686,873,687
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2,654,996,407)	(1,205,000,862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>12</b>	3,894,720,399	3,869,703,127
- Nguyên giá	228		5,995,780,457	5,895,780,457
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,101,060,058)	(2,026,077,330)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	-	-
- Nguyên giá	231		52,826,363	52,826,363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52,826,363)	(52,826,363)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>3,700,804,410</b>	<b>2,438,539,378</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,700,804,410	2,438,539,378
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>103,104,489,580</b>	<b>133,212,714,580</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>16.1</b>	85,104,489,580	85,104,489,580
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	<b>16.2</b>	18,000,000,000	48,108,225,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	<b>16.3</b>	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27,898,848,461</b>	<b>25,290,681,695</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>10</b>	18,518,775,616	20,045,538,668
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	<b>30.3</b>	9,380,072,845	5,245,143,027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>803,486,613,596</b>	<b>814,827,725,049</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>562,705,124,479</b>	<b>603,298,486,913</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>556,846,174,374</b>	<b>595,641,570,363</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	93,100,472,301	201,220,568,782
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	770,169,821	3,585,378,430
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	11,365,447,758	3,074,967,868
4. Phải trả người lao động	314		14,498,817,986	20,503,214,887
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	15,428,259,496	5,460,971,733
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		30,800,000	224,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1,589,011,668	994,328,197
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	419,014,097,289	359,288,288,415
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,049,098,055	1,289,852,051
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5,858,950,105</b>	<b>7,656,916,550</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		50,000,000	80,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	5,808,950,105	7,576,916,550
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29.3	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	31/12/2022
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>240,781,489,117</b>	<b>211,529,238,136</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>240,731,489,117</b>	<b>211,479,238,136</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		163,254,770,000	142,051,160,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		163,254,770,000	142,051,160,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		523,056,160	523,056,160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,876,126,506	8,876,126,506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2,536,822,093	2,536,822,093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65,540,714,358	57,492,073,377
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		42,366,578,157	39,414,368,974
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>50,000,000</b>	<b>50,000,000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		50,000,000	50,000,000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>803,486,613,596</b>	<b>814,827,725,049</b>



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Viết Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Thử Triệu  
Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 29 tháng 10 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Dạng đầy đủ)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24.1	189,483,275,336	203,319,202,908	566,021,630,682	526,006,538,100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24.1	345,005,853	309,528,327	728,556,970	5,187,370,162
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24.1	189,138,269,483	203,009,674,581	565,293,073,712	520,819,167,938
4. Giá vốn hàng bán	11	25	116,213,725,429	129,858,792,889	354,595,576,927	353,508,447,041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72,924,544,054	73,150,881,692	210,697,496,785	167,310,720,897
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24.2	1,981,304,607	1,026,621,881	4,184,127,439	7,029,856,565
7. Chi phí tài chính	22	26	9,595,131,695	6,993,623,007	26,223,663,798	16,922,925,974
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,647,325,847	6,450,774,425	25,191,544,699	16,556,193,459
8. Chi phí bán hàng	25	27	49,178,898,388	49,003,413,179	130,490,488,461	110,655,292,195
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	9,891,092,640	11,864,614,902	28,089,521,939	28,637,499,737
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,240,725,938	6,315,852,485	30,077,950,026	18,124,859,556
11. Thu nhập khác	31	28	241,523,290	52,293,142	2,359,797,742	607,377,498
12. Chi phí khác	32	28	1,193,367,698	17,071,346	2,212,091,638	93,822,786
13. Lợi nhuận khác	40		(951,844,408)	35,221,796	147,706,104	513,554,712
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,288,881,530	6,351,074,281	30,225,656,130	18,638,414,268
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30.1	2,859,372,513	3,572,223,733	10,646,449,747	5,686,780,662
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30.2	(1,617,595,866)	(2,126,192,468)	(4,134,929,818)	(2,075,013,699)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,047,104,883	4,905,043,016	23,714,136,201	15,026,647,305
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Viết Sơn  
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 29 tháng 10 năm 2023

Phạm Thử Triệu  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		30,225,656,130	18,638,414,268
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2	11, 12, 13	4,467,678,219	3,510,059,830
- Các khoản dự phòng	3	6, 9	(4,264,596,241)	3,033,722,836
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	24, 26	760,081,490	(57,068,738)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	24, 26	(5,784,291,390)	(4,145,363,950)
- Chi phí lãi vay	6	26	25,191,544,699	16,556,193,459
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		50,596,072,907	37,535,957,705
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	6, 7, 8, 18	(15,790,106,769)	(23,459,152,383)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	48,261,895,016	58,415,859,836
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	17, 18, 19	(108,533,901,869)	(43,164,428,889)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10	727,041,719	(6,061,790,848)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25,362,754,115)	(16,384,157,067)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,542,938,105)	(3,274,529,918)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,162,639,216)	(244,400,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(52,807,330,432)</b>	<b>3,363,358,436</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	11, 12, 13	(4,166,412,732)	(11,796,290,326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	28	2,295,152,337	495,908,591
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8,221,052,786)	(146,339,606)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18,000,000,000)	(10,298,365,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8,667,077,500	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	3,178,825,130	3,265,033,256
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16,246,410,551)</b>	<b>(18,480,053,085)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2022
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7,000,000,000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	22	534,192,917,919	436,229,979,371
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	22	(474,427,173,547)	(423,479,492,416)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1,807,901,943)	(2,383,354,482)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	23	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>64,957,842,429</b>	<b>10,367,132,473</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4,095,898,554)</b>	<b>(4,749,562,176)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>9,624,120,134</b>	<b>16,866,684,524</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10,480,381	19,899,318
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>5,538,701,961</b>	<b>12,137,021,666</b>

Bến Tre, ngày 29 tháng 10 năm 2023



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Viết Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 07 năm 2004, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHCM do HOSE ban hành ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng điều hành tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty tại địa chỉ như sau:

- P803, tầng 8 tòa nhà IDMC, số 21 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số 234, Đường 30/06, Phố Bạch Đằng, P. Nam Thành, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số 725, đường Yên Ninh, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái;
- Lô A3-28 và A3-29; Đường Nguyễn Chí Diểu; Phường An Hải Bắc; Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Màng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ;
- Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và;
- Số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số 331 Phan Bội Châu, Phường Tân Tiến, TP. Buon Ma Thuot, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Số lượng nhân viên của Công ty tại Ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 601 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 573).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp tục)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký – Chứng từ.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp tục)**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng mua - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
đang đi đường và hàng hóa

Chi phí sản xuất, kinh doanh - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)**

**3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)**

*Trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
--------------------------	--------

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)**

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng và thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)**

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÉN TRE  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền gửi ngân hàng	4,939,409,738	8,676,840,636
Tiền mặt	588,526,363	947,279,498
Tiền đang chuyển	10,765,860	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5,538,701,961</b>	<b>9,624,120,134</b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**5.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Cổ phiếu	39,493,142,987	39,493,142,987		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39,493,142,987</b>	<b>39,493,142,987</b>		

(\*) Đây là 3.470.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	10,000,000,000	10,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	9,557,428,008	9,557,428,008	3,336,375,222	3,336,375,222
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19,557,428,008</b>	<b>19,557,428,008</b>	<b>11,336,375,222</b>	<b>11,336,375,222</b>

(\*) Đây là 50.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm, 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm và 20.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1.3%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Toàn bộ khoản trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 22.1).

(\*\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm:

- + 3.489.428.008 đ tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng, hưởng lãi suất 6.0%/năm.
  - + 3.068.000.000 đ tiền gửi tại Ngân hàng BPCE IOM - CN TPHCM, kỳ hạn sáu (6) tháng, hưởng lãi suất 4.75%.
  - + 3.000.000.000 đ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN, kỳ hạn sáu (6) tháng, hưởng lãi suất 5.3%.
- Các khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 22.1)

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Các bên khác</b>	<b>150,819,724,765</b>	<b>153,706,155,292</b>
Công ty CP dược phẩm FPT Long Châu	3,888,231,799	3,143,355,901
Khác	146,931,492,966	150,562,799,391
<b>Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	<b>1,014,259,205</b>	<b>280,735,682</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>151,833,983,970</b>	<b>153,986,890,974</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1,263,833,066)	(734,704,723)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>150,570,150,904</b>	<b>153,252,186,251</b>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023	Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		
Số đầu kỳ	734,704,723	604,738,171
Trích lập bổ sung trong kỳ	896,136,369	315,241,440
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(367,008,026)	(348,211,650)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1,263,833,066</b>	<b>571,767,961</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Các bên khác</b>	<b>6,390,151,435</b>	<b>1,815,065,424</b>
Delorbis Pharmaceuticals Ltd	2,129,618,150	
PRO.MED.CS Praha a.s.	1,393,147,742	
NQ Healthcare Australia Pty.Ltd	1,270,006,460	
Pharmalink, S.L.		1,098,976,560
Khác	1,597,379,083	716,088,864
<b>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	<b>6,872,273,600</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13,262,425,035</b>	<b>1,815,065,424</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>42,497,936,414</b>	<b>32,386,520,995</b>
Tạm ứng cho nhân viên	33,864,823,887	26,441,847,111
Ký quỹ, đặt cọc	7,176,963,236	4,738,953,585
Thuế nộp thừa sau thanh tra hải quan		
Khác	1,456,149,291	1,205,720,299
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)		
<b>Dài hạn</b>	<b>2,768,787,783</b>	<b>2,245,163,769</b>
Ký quỹ, đặt cọc	2,768,787,783	2,226,942,769
Khác		18,221,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45,266,724,197</b>	<b>34,631,684,764</b>
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(309,406,016)	(309,406,016)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>44,957,318,181</b>	<b>34,322,278,748</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	347,464,783,316	(5,009,699,312)	351,698,456,281	(9,760,160,356)
Thành phẩm	6,959,001,373	(22,244,326)	2,541,553,957	(65,507,866)
Hàng mua đang đi đường	5,278,773,969		53,570,069,546	
Nguyên liệu, vật liệu	3,009,631,970		2,896,875,301	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	474,182,718		748,544,788	
Hàng gửi đi bán	60,421,511		53,190,000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>363,246,794,857</b>	<b>(5,031,943,638)</b>	<b>411,508,689,873</b>	<b>(9,825,668,222)</b>

(\*) Hàng tồn kho (được phẩm các loại) được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023	Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022
<b>Số đầu năm</b>	<b>9,825,668,222</b>	<b>9,010,569,625</b>
Dự phòng trích lập trong kỳ	18,191,340,715	15,927,799,634
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(22,985,065,299)	(12,861,106,588)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5,031,943,638</b>	<b>12,077,262,671</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	<b>Ngắn hạn</b>	<b>2,007,392,073</b>
Thuê văn phòng, nhà kho	866,605,491	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	729,311,507	567,207,746
Chi phí mua bảo hiểm	138,004,559	451,531,917
Khác	273,470,516	188,931,077
<b>Dài hạn</b>	<b>18,518,775,616</b>	<b>20,045,538,668</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	6,650,288,010	7,586,800,086
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	2,967,512,831	3,477,263,124
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2,563,231,542	2,158,316,048
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho bãi và văn phòng	2,828,860,006	3,436,774,068
Chi phí marketing	2,700,396,271	2,225,750,000
Khác	808,486,956	1,160,635,342
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20,526,167,689</b>	<b>21,253,209,408</b>

(\*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

(\*\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÉN TRÉ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	25,183,544,611	15,324,332,815	12,741,005,292	5,993,694,680	59,242,577,398
Tăng trong kỳ	113,417,000				113,417,000
Thanh lý trong kỳ	(1,074,041,799)	(643,984,582)	(771,920,318)		(2,489,946,699)
Phân loại lại nhóm tài sản					-
Vào ngày 30/09/2023	24,109,502,812	14,793,765,233	11,969,084,974	5,993,694,680	56,866,047,699
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	5,774,444,243	10,098,601,324	2,885,531,430	1,784,729,461	20,543,306,458
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(12,773,150,086)	(12,585,788,702)	(7,535,251,990)	(2,691,240,480)	(35,585,431,258)
Khấu hao trong kỳ	(1,379,805,116)	(398,076,404)	(794,648,946)	(370,169,480)	(2,942,699,946)
Thanh lý trong kỳ	1,054,628,704	643,984,582	771,920,318		2,470,533,604
Vào ngày 30/09/2023	(13,098,326,498)	(12,339,880,524)	(7,557,980,618)	(3,061,409,960)	(36,057,597,600)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	12,410,394,525	2,738,544,113	5,205,753,302	3,302,454,200	23,657,146,140
Vào ngày 30/09/2023	11,011,176,314	2,453,884,709	4,411,104,356	2,932,284,720	20,808,450,099

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	4,302,988,457	1,592,792,000	5,895,780,457
Tăng trong kỳ		100,000,000	100,000,000
Thanh lý trong kỳ			-
Vào ngày 30/09/2023	4,302,988,457	1,692,792,000	5,995,780,457
Trong đó:			
Đã khấu hao hết		1,384,567,000	1,384,567,000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(517,005,354)	(1,509,071,976)	(2,026,077,330)
Hao mòn trong kỳ	(29,467,269)	(45,515,459)	(74,982,728)
Thanh lý trong kỳ			
Phân loại lại nhóm tài sản			
Vào ngày 30/09/2023	(546,472,623)	(1,554,587,435)	(2,101,060,058)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	3,785,983,103	83,720,024	3,869,703,127
Vào ngày 30/09/2023	3,756,515,834	138,204,565	3,894,720,399

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	92,727,273	6,594,146,414	6,686,873,687
Tăng trong kỳ	-	2,690,730,700	2,690,730,700
Thanh lý trong kỳ			
Vào ngày 30/09/2023	92,727,273	9,284,877,114	9,377,604,387
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(46,363,635)	(1,158,637,227)	(1,205,000,862)
Hao mòn trong kỳ	(34,772,729)	(1,415,222,816)	(1,449,995,545)
Thanh lý trong kỳ			
Vào ngày 30/09/2023	(81,136,364)	(2,573,860,043)	(2,654,996,407)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	46,363,638	5,435,509,187	5,481,872,825
Vào ngày 30/09/2023	11,590,909	6,711,017,071	6,722,607,980

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÉN TRE  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**Nguyên giá:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Ngày 30 tháng 09 năm 2023

**Giá trị còn lại:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Ngày 30 tháng 09 năm 2023

*Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:*

Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Triển khai phần mềm quản trị doanh nghiệp DIGINET ERP

Sửa chữa cải tạo văn phòng Chi nhánh Tây Nguyên

Chuyển giao công nghệ

**TỔNG CỘNG**

Quyền sử dụng đất

52,826,363

(52,826,363)

-

VND

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 09 năm 2022

483,636,364

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30  
tháng 09 năm 2023

562,800,000

Ngày 30 tháng 09 năm 2023

2,822,136,814

396,167,596

482,500,000

**3,700,804,410**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

2,438,539,378

**2,438,539,378**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 16.1)	85,104,489,580	85,104,489,580
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 16.2)	18,000,000,000	48,108,225,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103,104,489,580</b>	<b>133,212,714,580</b>

**16.1 Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Chi phí đầu tư	% Sở hữu	Chi phí đầu tư	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	69,104,489,580	92.40%	69,104,489,580	92.40%
Công ty Cổ phần Bepharco Health Care	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	16,000,000,000	100.00%	16,000,000,000	100.00%

(\*) 3.485.470 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Thuyết minh số 22.1).

**16.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Chi phí đầu tư	% Sở hữu	Chi phí đầu tư	% Sở hữu
Công ty cổ phần Ypharco Healthcare	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	18,000,000,000	20%	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	-	-	48,108,225,000	23.14%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>NGẮN HẠN</b>	<b>93,100,472,301</b>	<b>201,220,568,782</b>
<b>Các bên khác</b>	<b>69,460,335,881</b>	<b>149,926,781,772</b>
<i>Công Ty TNHH Gedeon Richter Việt Nam</i>	21,910,010,829	5,340,710,886
<i>Công ty TNHH Raptakos Brett</i>	13,697,131,118	78,873,593,832
<i>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</i>	10,245,848,220	
<i>Khác</i>	23,607,345,714	65,712,477,054
<b>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	<b>23,640,136,420</b>	<b>51,293,787,010</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93,100,472,301</b>	<b>201,220,568,782</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>770,169,821</b>	<b>3,585,378,430</b>
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Meracine</i>	460,000,000	-
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư phát triển y tế Hà Nội</i>	186,329,640	-
<i>Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Học và Dược Phẩm Đông Dương</i>	-	2,079,485,520
<i>VPĐD Chemical Works of Gedeon Richter Plc tại Tp. Hồ Chí Minh</i>	-	796,468,817
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Đức</i>	-	346,641,007
<i>Khác</i>	123,840,181	362,783,086
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>770,169,821</b>	<b>3,585,378,430</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 09 năm 2023
<b>Phải nộp</b>				
Thuế TNDN	1,625,348,104	10,646,449,747	1,542,938,105	10,728,859,746
Thuế GTGT nội địa		79,906,591,217	79,906,591,217	-
Thuế GTGT nhập khẩu		5,292,624,232	5,292,624,232	-
Thuế TNCN	1,449,619,764	3,403,107,798	4,216,139,550	636,588,012
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3,074,967,868</b>	<b>99,248,772,994</b>	<b>90,958,293,104</b>	<b>11,365,447,758</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT	7,541,476,107	75,273,324,687	79,059,518,495	3,755,282,299
Thuế nhập khẩu	94,873,027	1,390,202,406	1,485,075,433	-
Thuế khác		1,001,986,592	1,001,986,592	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7,636,349,134</b>	<b>76,663,527,093</b>	<b>80,544,593,928</b>	<b>3,755,282,299</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Thường kinh doanh	3,388,144,678	861,581,345
Chi phí khuyến mại	5,009,825,721	3,006,524,910
Chi phí du lịch cho nhân viên	3,000,000,000	-
Chi phí đồng phục nhân viên	1,302,500,000	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	852,709,000	277,216,730
Lãi vay	551,867,351	723,076,767
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	156,250,006	225,000,004
Chi phí khác	1,166,962,740	367,571,977
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15,428,259,496</b>	<b>5,460,971,733</b>

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1,589,011,668</b>	<b>994,328,197</b>
Cổ tức phải trả	429,488,150	429,488,150
Kinh phí công đoàn	822,169,105	496,566,134
Khác	337,354,413	68,273,913
<b>Dài hạn</b>	<b>50,000,000</b>	<b>80,000,000</b>
Ký quỹ đã nhận	50,000,000	80,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,639,011,668</b>	<b>1,074,328,197</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**22. VAY.**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Vay trong kỳ	Phân loại lại	Trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 09 năm 2023
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>359,288,288,415</b>	<b>531,480,550,859</b>	<b>2,541,113,077</b>	<b>(474,295,855,062)</b>	<b>419,014,097,289</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	351,270,365,930	528,480,550,859		(463,361,806,547)	416,389,110,242
Vay các bên khác (Thuyết minh số 22.2)	87,436,637				87,436,637
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 22.3)	3,500,000,000	3,000,000,000		(6,500,000,000)	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22.4)	3,227,640,000		1,430,910,000	(3,410,550,000)	1,248,000,000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 22.5)	1,202,845,848		1,110,203,077	(1,023,498,515)	1,289,550,410
<b>Vay dài hạn</b>	<b>7,576,916,550</b>	<b>2,712,367,060</b>	<b>(2,541,113,077)</b>	<b>(1,939,220,428)</b>	<b>5,808,950,105</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.4)	4,791,685,318		(1,430,910,000)	(1,154,817,000)	2,205,958,318
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 22.5)	2,785,231,232	2,712,367,060	(1,110,203,077)	(784,403,428)	3,602,991,787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>366,865,204,965</b>	<b>534,192,917,919</b>	<b>-</b>	<b>(476,235,075,490)</b>	<b>424,823,047,394</b>

**22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi (vnd)	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	------------------------------	--------------------------------	------------------	-------------------

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre**

Khoản vay 1	353,297,346,107	29/11/2023 đến 29/05/2024	8%-9%	
-------------	-----------------	------------------------------	-------	--

- 100.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành;

- 3.485.470 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành;

- Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng;

- Hàng tồn kho được phẩm các loại;

- Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 85, số 77, số 80, số 81, số 144, số 10, số 13, số 43 tỉnh Bến Tre

- Các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và;

- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Ngân hàng

Ngày 30 tháng 09

năm 2023

Kỳ hạn trả gốc và lãi

(vnd)

Lãi suất (%/năm)

Mục đích

Hình thức đảm bảo

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận**

Khoản vay 1

18,764,986,134

20/11/2023 đến

18/04/2024

8%, 8.7%

- Hợp đồng tiền gửi trị giá 3.489.428.008 VND;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 06 Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

-Hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tối thiểu 20 tỷ đồng

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung TPHCM**

Khoản vay 1

43,779,839,301

21/12/2023 đến

26/05/2023

8.2%, 8.85%

-Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 64, 91/21A đường CMT8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ.

-Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) tại địa chỉ Thửa đất số 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ

-Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 480/2010/TĐ.BĐ, Thôn Hòn Nghé, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

-Hàng hóa tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 100.000.000.000 đồng

-Quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 102.000.000.000 đồng

**Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn**

Khoản vay 1

546,938,700

26/06/2024

8.50%

- Hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VNĐ

- Quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 35.000.000.000 đồng

**TỔNG CỘNG****416,389,110,242****22.2 Vay ngắn hạn các bên khác**

(\*) Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên của Công ty và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
<b>Số đầu năm (01/01/2022)</b>	<b>142,051,160,000</b>	<b>523,056,160</b>	<b>8,876,126,506</b>	<b>2,536,822,093</b>	<b>40,103,758,429</b>	<b>194,090,923,188</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ				15,026,647,305	(689,389,455)	15,026,647,305
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(180,000,000)	(180,000,000)
Thù lao HĐQT						
<b>Số cuối kỳ (30/09/2022)</b>	<b>142,051,160,000</b>	<b>523,056,160</b>	<b>8,876,126,506</b>	<b>2,536,822,093</b>	<b>54,261,016,279</b>	<b>208,248,181,038</b>
<b>Năm nay</b>						
<b>Số đầu năm (01/01/2023)</b>	<b>142,051,160,000</b>	<b>523,056,160</b>	<b>8,876,126,506</b>	<b>2,536,822,093</b>	<b>57,492,073,377</b>	<b>211,479,238,136</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ					23,714,136,201	23,714,136,201
Phát hành cổ phiếu	7,000,000,000					7,000,000,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	14,203,610,000				(14,203,610,000)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(921,885,220)	(921,885,220)
Thù lao HĐQT					(540,000,000)	(540,000,000)
Khác						
<b>Số cuối kỳ (30/06/2023)</b>	<b>163,254,770,000</b>	<b>523,056,160</b>	<b>8,876,126,506</b>	<b>2,536,822,093</b>	<b>65,540,714,358</b>	<b>240,731,489,117</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÉN TRE

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### 23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

###### Vốn đã góp của chủ sở hữu

###### Số đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

###### Số cuối năm

Ngày 30 tháng 09 năm 2023

142,051,160,000

21,203,610,000

163,254,770,000

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

142,051,160,000

142,051,160,000

#### 23.3 Cổ tức

09 tháng năm 2023

09 tháng năm 2022

###### Cổ tức đã công bố trả trong kỳ

Cổ tức trả bằng cổ phiếu

09 tháng năm 2023

14,203,610,000

-

#### 23.4 Cổ phiếu

###### Số lượng cổ phiếu

Ngày 30 tháng 09 năm 2023

(cổ phiếu)

16,325,477

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

(cổ phiếu)

14,205,116

Cổ phiếu được phép phát hành

Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ

Cổ phiếu phổ thông

16,325,477

14,205,116

Cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

16,325,477

14,205,116

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ

phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**24 DOANH THU**

**24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế năm	Quý 3	Luỹ kế năm
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>189,483,275,336</b>	<b>566,021,630,682</b>	<b>203,319,202,908</b>	<b>526,006,538,100</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu bán hàng hóa	186,369,293,403	554,680,988,034	199,905,078,954	518,911,602,694
Doanh thu bán thành phẩm	2,858,827,892	10,639,748,340	3,210,006,675	6,524,973,566
Doanh thu cho thuê mặt bằng	203,280,000	562,800,000	168,000,000	483,636,364
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51,874,041	138,094,308	36,117,279	86,325,476
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>345,005,853</b>	<b>728,556,970</b>	<b>309,528,327</b>	<b>5,187,370,162</b>
Chiết khấu thương mại	-	-	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-	-	-
Hàng bán bị trả lại	345,005,853	728,556,970	309,528,327	5,187,370,162
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>189,138,269,483</b>	<b>565,293,073,712</b>	<b>203,009,674,581</b>	<b>520,819,167,938</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	186,024,287,550	553,956,530,584	199,595,550,627	513,731,911,585
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	2,858,827,892	10,635,648,820	3,210,006,675	6,517,294,513
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	255,154,041	700,894,308	204,117,279	569,961,840
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu thuần đối với các bên khác	188,825,449,983	564,341,583,901	200,602,008,266	516,649,043,236
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	312,819,500	951,489,811	2,407,666,315	4,170,124,702

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế năm	Quý 3	Luỹ kế năm
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	233,279,815	694,988,386	852,273,261	3,323,332,468
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-	-	57,068,738
Cổ tức được chia	1,388,000,000	2,656,085,000	-	2,958,865,000
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	360,024,792	781,058,566	174,348,620	690,590,359
Thanh lý khoản đầu tư	-	51,995,487	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,981,304,607</b>	<b>4,184,127,439</b>	<b>1,026,621,881</b>	<b>7,029,856,565</b>

**25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế năm	Quý 3	Luỹ kế năm
Giá vốn hàng hoá	114,652,598,435	348,490,502,010	126,365,573,315	345,939,301,965
Giá vốn thành phẩm	1,540,206,194	6,038,988,015	3,470,391,331	7,398,181,691
Giá vốn cho thuê hoạt động	20,920,800	62,762,400	20,920,800	62,762,400
Giá vốn khác	-	3,324,502	1,907,443	108,200,985
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>116,213,725,429</b>	<b>354,595,576,927</b>	<b>129,858,792,889</b>	<b>353,508,447,041</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế năm	Quý 3	Luỹ kế năm
Chi phí lãi vay	8,647,325,847	25,191,544,699	6,450,774,425	16,556,193,459
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	141,771,648	249,572,292	9,930,334	345,447,669
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	802,841,800	760,081,490	511,633,402	-
Lãi trả chậm	-	-	21,284,846	21,284,846
Khác	3,192,400	22,465,317	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9,595,131,695</b>	<b>26,223,663,798</b>	<b>6,993,623,007</b>	<b>16,922,925,974</b>

**27 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế năm	Quý 3	Luỹ kế năm
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>49,178,898,388</b>	<b>130,490,488,461</b>	<b>49,003,413,179</b>	<b>110,655,292,195</b>
Chi phí nhân viên	26,664,198,623	75,913,240,441	33,363,760,821	82,959,260,885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,304,105,051	40,843,010,956	7,758,457,742	15,687,144,675
Chi phí khấu hao	951,546,506	2,603,466,397	597,721,669	1,783,137,845
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	897,023,345	2,583,285,597	663,512,783	1,384,425,793
Khác	7,362,024,863	8,547,485,070	6,619,960,164	8,841,322,997
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>9,891,092,640</b>	<b>28,089,521,939</b>	<b>11,864,614,902</b>	<b>28,637,499,737</b>
Chi phí nhân viên	5,119,470,638	13,732,481,508	7,078,375,893	17,337,493,739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,705,423,509	8,693,292,005	2,648,836,269	7,431,942,727
Chi phí khấu hao	542,400,890	1,606,486,080	788,612,813	1,397,573,434
Chi phí vật liệu quản lý	191,440,369	549,202,037	132,938,004	410,662,276
Khác	1,332,357,234	3,508,060,309	1,215,851,923	2,059,827,561
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59,069,991,028</b>	<b>158,580,010,400</b>	<b>60,868,028,081</b>	<b>139,292,791,932</b>

**28 THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế năm	Quý 3	Luỹ kế năm
<b>Thu nhập khác</b>	<b>241,523,290</b>	<b>2,359,797,742</b>	<b>52,293,142</b>	<b>607,377,498</b>
Thanh lý tài sản	236,363,636	2,295,152,337	-	495,908,591
Xử lý số dư công nợ	-	-	5,519,340	46,726,266
Khác	5,159,654	64,645,405	46,773,802	64,742,641
<b>Chi phí khác</b>	<b>1,193,367,698</b>	<b>2,212,091,638</b>	<b>17,071,346</b>	<b>93,822,786</b>
Phạt thuế	1,152,484,390	2,133,580,713	-	-
Khác	40,883,308	78,510,925	17,071,346	93,822,786
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(951,844,408)</b>	<b>147,706,104</b>	<b>35,221,796</b>	<b>513,554,712</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**29 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Lũy kế năm	Quý 3	Lũy kế năm
Chi phí hàng hóa	114,652,598,435	348,490,502,010	129,835,964,646	353,337,483,656
Chi phí nhân viên	32,681,040,168	93,142,596,233	41,626,058,485	104,757,048,505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16,382,184,824	49,536,302,961	10,407,294,011	23,119,087,402
Chi phí nguyên vật liệu	1,808,749,228	8,245,923,473	796,450,787	1,795,088,069
Chi phí khấu hao	1,580,643,021	4,467,678,219	1,471,849,541	3,510,059,830
Chi phí khác	8,178,500,781	9,292,584,431	6,589,203,500	6,282,471,511
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>175,283,716,457</b>	<b>513,175,587,327</b>	<b>190,726,820,970</b>	<b>492,801,238,973</b>

**30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Lũy kế năm	Quý 3	Lũy kế năm
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,859,372,513	10,646,449,747	3,572,223,733	5,686,780,662
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1,617,595,866)	(4,134,929,818)	(2,126,192,468)	(2,075,013,699)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,241,776,647</b>	<b>6,511,519,929</b>	<b>1,446,031,265</b>	<b>3,611,766,963</b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại tại Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán

**30.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả HĐKD	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc 30 tháng 09 năm 2023	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc 30 tháng 09 năm 2022
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Chi phí lãi vay	6,887,923,514	5,543,193,149	1,344,730,365	923,089,271
Chi phí trích trước	3,085,651,899	397,402,501	2,688,249,398	1,049,974,376
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	(593,502,568)	(695,452,623)	101,950,055	101,950,052
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần</b>	<b>9,380,072,845</b>	<b>5,245,143,027</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào KQKD 09 tháng</b>			<b>4,134,929,818</b>	<b>2,075,013,699</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**31 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	52,532,825,929	36,666,444,475
		Bán hàng hóa	806,719,600	8,228,713,120
		Trả lại hàng	10,238,095	4,338,088,160
		Vay	3,000,000,000	5,000,000,000
		Trả nợ vay	6,500,000,000	1,500,000,000
		Lãi vay	171,419,177	
		Sử dụng dịch vụ	232,284,275	225,758,184
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết đến ngày 22/06/2023	Cổ tức	1,268,085,000	2,958,865,000
		Bán hàng hóa	155,008,306	283,999,742
		Trả lại hàng		4,500,000
Công ty Cổ phần Ypharco Health Care	Công ty liên kết đến ngày 22/06/2023	Sử dụng dịch vụ	980,442,000	0

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			<b>1,014,259,205</b>	<b>280,735,682</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Bán hàng hóa	1,014,259,205	177,953,624
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết đến ngày 22/06/2023	Bán hàng hóa		102,782,058
<b>Trả trước cho người bán</b>			<b>6,872,273,600</b>	-
Công ty Cổ phần Ypharco Health Care	Công ty liên kết từ ngày 30/06/2023	Tiền thuê kho	842,790,000	
		Gia công hàng hóa	6,029,483,600	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			<b>23,640,136,420</b>	<b>51,293,787,010</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	23,640,136,420	51,293,787,010
<b>Vay ngắn hạn</b>			-	<b>3,500,000,000</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Vay	-	3,500,000,000
<b>Chi phí phải trả</b>			<b>60,000,000</b>	<b>134,958,904</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Lãi vay	-	125,358,905
		Thuê kho	60,000,000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**32 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ		
USD	412	88,802
EUR	18,165	17,265

**33 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

**34 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bến Tre, ngày 29 tháng 10 năm 2023

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Viết Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Thư Triệu  
Tổng Giám đốc